

Bản án số: 546/2021/DS-PT  
Ngày: 28/6/2021  
V/v tranh chấp về đòi tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Đức

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Thảo

Bà Trịnh Thị Ánh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Diệp Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Duy Tuấn, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 523/2019/DSPT ngày 04 tháng 11 năm 2019 về việc "Tranh chấp về đòi tài sản";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 214/2019/DS-ST ngày 01/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1773/2021/QĐ-PT ngày 26/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5694/2021/QĐ-PT ngày 25/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Cửu TL.

Địa chỉ: 79/12 BĐ, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ QL.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn DB – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ngân hàng TMCP QTVN.

Trụ sở: tầng 8, 9, 10 Tòa nhà VT – số 198B TS, phường TL1, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh: 111A Pt, phường BT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: các ông (bà) Trần Thị MN, Nguyễn AV, Hà Thị HA.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn QH – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Trần Thị NA.

Địa chỉ: 655 LHP, Phường M1, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Bà Nguyễn Thị BH.

Địa chỉ: căn hộ B402, chung cư EH 5, phường TTĐ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người làm chứng:

4.1 Ông Trần TA.

Địa chỉ: 1/2/40 Đường số M, Phường B, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2 Ông Đào ĐT.

Địa chỉ: 8/7 YT, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.3 Bà Nguyễn Thị TT.

Địa chỉ: Lầu 15 nhà B1 chung cư PT, 341 CĐ, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn – bà Nguyễn Cửu TL.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn – bà Nguyễn Cửu TL trình bày:

Ngày 29/6/2010, bà và chồng là ông Đỗ HT có vay 7.000.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP QTVN – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là VIB – Hồ Chí Minh) để mua căn nhà 79/12 BĐ, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn vay là 180 tháng, thế chấp bằng chính tài sản mua. Ông Nguyễn HM, cán bộ tín dụng của VIB là người trực tiếp giải quyết hồ sơ vay. Trong suốt thời gian đầu kể từ tháng 6/2010, bà trả gốc và đóng lãi đầy đủ, đúng hạn cho VIB.

Thời gian này, bà có cho ông Trần TA, nhân viên chăm sóc khách hàng của VIB, vay 6 tỷ đồng, không lãi suất, hạn 01 hoặc 02 tháng sẽ trả, giao nhận trực tiếp bằng tiền mặt, không có người làm chứng. Do đó, ngày 13/11/2010, ông TA đã chuyển trả tiền vay vào tài khoản số 601704060192406 đứng tên bà mở tại VIB – Hồ Chí Minh. Ông TA có báo cho bà biết việc chuyển tiền, nhưng do lãnh đạo VIB là ông D – Tổng Giám đốc đề nghị bà duy trì số tiền trong tài khoản do VIB đang gặp khó khăn về nguồn vốn, nên bà chưa rút khoản tiền này.

Sau đó, bà đến VIB – Hồ Chí Minh rút tiền thì VIB – Hồ Chí Minh từ chối với lý do vào lúc 08 giờ 58 phút 23 giây ngày 13/11/2010 bà đã rút khoản tiền trên. Đây là điều vô lý, bởi lẽ, vào lúc 09 giờ 00 phút cùng ngày, bà đang làm việc tại trụ sở Công an Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh, do ông Đặng VT – Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (Scb) có đơn tố cáo bà, nên nếu rút khoản tiền trên lúc 08 giờ 58 phút 23 giây thì bà không thể di chuyển quãng đường dài 4.559m từ trụ sở VIB – Hồ Chí Minh tại góc đường NTMK – Pt về trụ sở Công an Phường H, quận TB tại 364 đường LVS trong khoảng thời gian 01 phút 37 giây, đó là chưa kể thời gian mà bà phải kiểm kê 06 tỷ đồng mà mình vừa rút ra khỏi ngân hàng.

Theo bà TL, bà là khách hàng VIP của VIB – Hồ Chí Minh, được nhân viên ngân hàng phục vụ chu đáo, thực hiện thủ tục tại nhà riêng. Do tin tưởng nhân viên ngân hàng nên bà đã ký khống vào nhiều văn bản của ngân hàng.

Nay, bà yêu cầu VIB phải trả 06 tỷ đồng và lãi suất do chậm thanh toán là 3,5 tỷ đồng, tổng cộng là 9,5 tỷ đồng, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà rút lại lời trình bày tại Đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng về việc bà và ông Trần TA ký hợp đồng đặt cọc mua bán nhà số 79/12 BĐ, Phường H, quận TB với giá 08 tỷ đồng, đặt cọc 06 tỷ đồng. Đây là nội dung không đúng sự thật mà do không hiểu biết pháp luật nên bà đã khai theo hướng dẫn của người khác.

Bị đơn - Ngân hàng TMCP QTVN có người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị MN, bà Hà Thị HA, ông Nguyễn AV trình bày:

Bà Nguyễn Cửu TL có mở tài khoản tiền gửi thanh toán số 601704060192406 tại VIB – Hồ Chí Minh. Ngày 13/11/2010, ông Trần TA, nhân viên chăm sóc khách hàng của VIB – Hồ Chí Minh, đã chuyển 06 tỷ đồng từ tài khoản số 60170460010908 vào tài khoản số 601704060192406. Ngay sau đó, bà TL đã rút khoản tiền này bằng giao dịch do bà Nguyễn Thị BH là giao dịch viên và bà Trần Thị NA là kiểm soát viên của VIB – Hồ Chí Minh tiến hành.

Tại VIB, tất cả các giao dịch của khách hàng đều được tiến hành theo đúng quy trình về chuyển, rút tiền do VIB ban hành, không có ngoại lệ.

Quy trình chuyển tiền trong nước gồm những bước sau:

Bước 1: Giao dịch viên tiếp nhận, hướng dẫn khách hàng điền thông tin vào ủy nhiệm chi (trường hợp chuyển tiền từ tài khoản) hoặc Giấy nộp tiền (trường hợp nộp tiền mặt).

Bước 2: Giao dịch viên kiểm tra các thông tin trên lệnh chuyển tiền. Nếu thông tin chuyển tiền có gì chưa rõ, hoặc sai sót, yêu cầu khách hàng điều chỉnh.

Bước 3: Trường hợp khách hàng nộp tiền mặt chuyển đi, giao dịch viên thực hiện thu và kiểm đếm theo quy trình kiểm đếm tiền mặt. Trường hợp chuyển tiền từ tài khoản, giao dịch viên kiểm tra số dư tài khoản đảm bảo đủ để thực hiện lệnh chuyển tiền và thu phí, kiểm tra dấu và chữ ký chủ tài khoản khớp đúng với đăng ký.

Bước 4: Giao dịch viên ký, đóng dấu trên chứng từ và giao lại cho khách hàng liên 01.

Bước 5: Giao dịch viên hạch toán và lập điện trên Symbols, hạch toán thu phí (nếu có).

Bước 6: Kiểm soát viên kiểm tra thông tin chuyển tiền, kiểm tra bút toán hạch toán, duyệt điện và ký chứng từ.

Bước 7: Giao dịch viên in điện báo có, hóa đơn thu phí nếu có và lưu chứng từ.

Quy trình rút tiền từ tài khoản thanh toán và tài khoản tiền gửi gồm những bước như sau:

Bước 1: Hướng dẫn khách hàng viết Giấy rút tiền/ Séc lĩnh tiền mặt hoặc Phiếu yêu cầu giao dịch tiết kiệm.

Bước 2: Giao dịch viên kiểm tra đối chiếu thông tin khớp đúng về người lĩnh tiền trên Séc/Giấy rút tiền/Sổ tiết kiệm, thông tin trên Chứng minh thư, thông tin về tài khoản, số tiền bằng số, bằng chữ, so sánh kiểm tra chữ ký tươi của chủ tài khoản khớp đúng với chữ ký mẫu, kiểm tra mẫu dấu (đối với khách hàng doanh nghiệp). Nếu có sai sót thì trao đổi với khách hàng.

Bước 3: Giao dịch viên ghi nợ tài khoản của khách hàng/ hạch toán sổ tiết kiệm trên Symbols.

Bước 4: Kiểm soát viên bút toán và tính hợp lệ của chứng từ, nếu đồng ý thì ký duyệt.

Bước 5: Giao dịch viên chuẩn bị tiền để chi và tiến hành kiểm đếm tiền theo “Quy trình kiểm đếm tiền mặt”.

Bước 6: Giao dịch viên đề nghị khách hàng ký nhận vào Phiếu chi/bảng kê chi, sau đó thực hiện chi tiền cho khách hàng theo đúng bảng kê trên Phiếu chi/bảng kê chi.

Bước 7: Giao dịch viên lưu chứng từ hạch toán rút tiền/rút sổ tiết kiệm.

Mẫu biểu sử dụng: Giấy rút tiền là giấy cacbon, có 02 liên, liên 02 màu vàng giao cho khách hàng.

Phiếu chi in từ hệ thống.

Ngày 13/11/2010, ông TA, bà TL đã thực hiện các giao dịch sau:

- 08 giờ 49 phút 33 giây, ông TA rút gốc sổ tiết kiệm số 11728738 bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 60170460010908;

- 08 giờ 51 phút 25 giây, Nguyễn LG chuyển 4.990.000.000 đồng vào tài khoản của ông TA;

- 08 giờ 53 phút 48 giây, ông TA chuyển 06 tỷ đồng vào tài khoản của bà TL. Lúc này, báo cáo hệ thống ngân hàng lỗi ghi nợ trên tài khoản của ông TA, ghi có trên tài khoản của bà TL cùng mốc thời gian 08 giờ 53 phút 48 giây. Sau đó, thông tin lệnh chuyển khoản được truyền đến phân hệ giao dịch dành cho giao dịch viên: Giấy báo có số BTTLR17223/14 tài khoản Nguyễn Cửu TL và Giấy báo nợ số BTTLR17223/13 tài khoản Trần TA vào cùng thời gian thể hiện: 8:55:19 AM;

- 08 giờ 56 phút 41 giây, bà TL rút 06 tỷ đồng. Lúc này, báo cáo hệ thống ngân hàng lỗi liệt kê chi tiết tài khoản, thời gian thể hiện là 08 giờ 56 phút 41 giây. Sau đó, lệnh rút tiền được đưa đến phân hệ giao dịch dành cho giao dịch viên để thực hiện rút tiền vào lúc 08 giờ 58 phút 23 giây. Ngay sau đó, bà TL ký nhận 06 tỷ đồng vào phiếu chi.

Trường hợp của ông TA và bà TL, giao dịch được thực hiện nhanh là do ngày 12/11/2010, ông TA đã gọi điện thông báo ngày 13/11/2010 sẽ thực hiện giao dịch chuyển số tiền 06 tỷ đồng nên VIB – Hồ Chí Minh đã chuẩn bị sẵn khoản tiền này.

Mặt khác, giao dịch rút tiền được thực hiện vào ngày 13/11/2010 nhưng cho đến tháng 8 năm 2013 là thời điểm bà TL khởi kiện ra Tòa án Quận 1, bà TL không hề đề cập hay yêu cầu VIB giải trình hoặc khiếu nại về việc số tiền trong tài khoản của bà TL bị rút trái phép ra khỏi tài khoản.

Do đó, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

VIB thừa nhận lời khai của bà BH, bà NA là đúng và cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn kể cả trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

VIB xác nhận: Ngày 13/11/2010, VIB không cho bà TL vay khoản tiền 06 tỷ đồng. Ngoài khoản tiền vay 07 tỷ đồng để mua căn nhà 79/12 BD, VIB không cho bà TL vay khoản tiền nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị NA trình bày:

Bà làm việc tại VIB Hồ Chí Minh, địa chỉ 111A Pt, Phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, đảm nhận xử lý các giao dịch trong phòng dịch vụ khách hàng: thẻ ATM, tiết kiệm, nộp tiền, rút tiền.

Khi khách hàng đến rút tiền, giao dịch viên sẽ xin tiền từ kho quỹ để thanh toán cho khách. Nếu kho quỹ đồng ý cho tiền thì giao dịch viên sẽ thực hiện lệnh rút tiền và chuyển chứng từ gồm giấy rút tiền và chứng minh nhân dân cho bà. Bà sẽ kiểm tra: họ tên, chứng minh nhân dân; số tiền bằng số, bằng chữ, thông tin trên giấy rút tiền có khớp với thông tin giao dịch viên thực hiện trên máy tính không; đối chiếu mẫu chữ ký trên giấy rút tiền so với mẫu chữ ký khách hàng đã đăng ký, nhìn xem khách hàng có mặt tại ngân hàng không; sau khi đầy đủ, hợp lệ, bà duyệt lệnh rút tiền và chuyển trả chứng từ về cho giao dịch viên thực hiện công việc còn lại.

Bà không quen biết bà Nguyễn Cửu TL. Bà xác nhận bà TL có đến VIB Hồ Chí Minh vào ngày 13/11/2010 để thực hiện giao dịch rút tiền bình thường như các khách hàng khác.

Ông Trần TA là nhân viên của VIB Hồ Chí Minh. Giao dịch viên nhận lệnh ủy nhiệm chi từ ông TA và chuyển cho bà. Ông TA có mặt tại ngân hàng ngày 13/11/2010. Bà không rõ ông TA có đi cùng bà TL không.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị BH trình bày:

Bà khẳng định bà Nguyễn Cửu TL có đến VIB thực hiện giao dịch rút 06 tỷ đồng vào ngày 13/11/2010. Bà đã thực hiện đúng quy trình rút tiền mặt của ngân hàng, gồm: nhận giấy rút tiền; kiểm tra giấy rút tiền, chứng minh nhân dân và chữ ký đối chiếu; hạch toán và đưa tất cả chứng từ cho kiểm soát viên Trần Thị NA phê duyệt; nhờ khách hàng ký vào phiếu chi, sau đó chi tiền cho bà TL.

Người làm chứng – ông Trần TA trình bày:

Được ông HM, cán bộ tín dụng, cùng làm việc tại VIB, cho biết bà TL, khách hàng của VIB, có nhu cầu bán căn nhà 79/12 BD, Phường H, quận TB, do có nhu cầu mua nhà, nên ngày 12/11/2010, ông đã gặp, thỏa thuận mua căn nhà này với giá 08 tỷ đồng và ký hợp đồng đặt cọc với bà TL, số tiền đặt cọc là 06 tỷ đồng. Bà TL thỏa thuận sau 30 ngày sẽ giải chấp tài sản ra khỏi ngân hàng, sau khi công chứng ông sẽ thanh toán số tiền còn lại, nhận nhà và sang tên. Hai bên thống nhất chuyển tiền đặt cọc vào ngày 13/11/2010.

Bà TL có nhu cầu nhận tiền mặt nên ông đã báo với VIB Hồ Chí Minh chuẩn bị sẵn 06 tỷ đồng cho bà TL.

Sáng ngày 13/11/2010, ông yêu cầu bà TL lên ngân hàng nhận tiền đã được ông chuyển từ tài khoản 601704060010908 vào tài khoản 601704060192046 của bà TL, cũng mở tại VIB. Từ 08 giờ đến 09 giờ bà TL đã nhận đủ tiền tại VIB. Sau khi bà TL nhận tiền, ông đã yêu cầu bà TL ký đã nhận đủ tiền vào hợp đồng đặt cọc, đồng thời yêu cầu bà TL giao cho ông liên màu vàng (Liên 2) của Giấy rút tiền để ông làm căn cứ chắc chắn việc bà TL đã nhận đủ tiền của ông.

Việc rút tiền diễn ra nhanh vì ông đã yêu cầu ngân hàng chuẩn bị sẵn để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng.

Ông yêu cầu vắng mặt trong thời gian Tòa giải quyết vụ án.

Người làm chứng – ông Đào ĐT trình bày:

Ông là bảo vệ dân phố của Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 13/11/2010, ông có mặt tại trụ sở Công an Phường H, quận TB, theo yêu cầu của ông Phạm CN, Trưởng Công an phường, ông đã viết dùm bà Nguyễn Cửu TL biên bản sự việc do bà TL chữ xấu. Bà TL đọc sao ông viết vậy, viết từ 09 giờ sáng đến 10 giờ sáng, sau đó bà TL làm việc đến 11 giờ 30 phút thì ra về.

Người làm chứng – bà Nguyễn Thị TT trình bày:

Khoảng tháng 11/2010, qua giới thiệu của ông Phạm CN, Trưởng Công an Phường H, quận TB, vợ chồng bà - Nguyễn Thị TT – Thái CT, có thỏa thuận bán căn nhà 12/15 PVH, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Cửu TL với giá 4.170.000.000 đồng. Bà TL cho biết, bà mua căn nhà này cho con gái của bà.

Ngày 03/11/2010, ông Thái CT đã ký Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở với bà TL; hợp đồng có ông CN ký tên làm chứng.

Sau đó, các bên thỏa thuận sáng ngày 13/11/2010 sẽ gặp nhau tại trụ sở Công an Phường H, quận TB, rồi từ đây sẽ đến phòng công chứng trên đường HV ký hợp đồng công chứng.

Sáng ngày 13/11/2010, ông bà, bà TL và con gái, nhân viên ngân hàng, đã có mặt tại Công an Phường H, quận TB, sau đó đến phòng công chứng trên đường HV ký công chứng hợp đồng mua bán nhà, bên mua nhà đứng tên trên hợp đồng là con gái bà TL. Bà nhớ phía bà TL và ngân hàng đi trên xe ô tô có chở theo tiền.

Ký xong hợp đồng công chứng, bà TL đòi giao tiền mặt, ông bà không đồng ý, nên tất cả cùng về Ngân hàng TMCP QTVN trên đường NTMK góc Pt. Tại đây, các bên đã kiểm đếm tiền, sau đó bà mở 02 sổ tiết kiệm gửi toàn bộ số tiền 4.000.000.000 đồng nhận của bà TL vào Ngân hàng TMCP QTVN. Khi hoàn tất việc nộp tiền thì đã hết giờ làm việc của ngân hàng.

Bà xác nhận có ghi biên nhận đề ngày 13/11/2010, xác nhận đã nhận của bà TL 04 tỷ đồng, trừ đi tiền công chứng hợp đồng theo giá 2,6 tỷ và tiền cọc đã nhận 42.200.000 đồng, bà TL còn phải trả 112.800.000 đồng; biên nhận có chữ ký của bà, bà TL và nhân viên ngân hàng là ông Nguyễn HM.

Đến nay, bà TL vẫn chưa trả bà số tiền 112.800.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 214/2019/DS-ST ngày 01/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Nguyễn Cửu TL về việc buộc Ngân hàng TMCP QTVN phải trả số tiền 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng) mà ngày 13/11/2010 ông Trần TA đã chuyển vào tài khoản thanh toán số 601704060192406 đứng tên bà TL mở tại Ngân hàng TMCP QTVN – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh và tiền lãi do chậm trả khoản tiền này là 3.500.000.000 đồng (ba tỷ năm trăm triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 10/7/2019, nguyên đơn – bà Nguyễn Cửu TL có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng:

Bản án sơ thẩm đã tuyên không đúng bản chất và tình tiết khách quan của vụ án. Nguyên đơn không có mặt tại ngân hàng đối với thời điểm rút tiền của nguyên đơn. Phía ngân hàng đã vi phạm nghiêm trọng các quy định về quy trình

thanh toán. Do đó nguyên đơn kháng cáo, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo đơn khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Các đương sự không hòa giải được với nhau tại phiên tòa.

Luật sư phía nguyên đơn trình bày:

Căn cứ các chứng từ rút tiền, nhận thấy không thể hiện bà TL thực hiện thủ tục rút tiền, không nhận khoản tiền 6.000.000.000 đồng:

. Trong phiếu thu, giấy rút tiền, liên 01 liên 02 không đồng nhất, thiếu chữ ký của bà TL trong 01 liên, chữ ký của kiểm soát viên tại các liên không giống nhau. Kết luận giám định cho rằng chữ ký thật của bà NA không giống chữ ký trên giấy rút tiền, không đủ cơ sở giám định trên giấy rút tiền của bà NA.

. Việc tổ chức giám định chữ ký của giao dịch viên, kiểm soát viên, chữ ký trên “Giấy rút tiền”, trên “Tờ ủy nhiệm chi” đều rất cần thiết. Nhưng Tòa cấp sơ thẩm chỉ mới giám định một “Giấy rút tiền” của phía ngân hàng giao nộp. Cấp phúc thẩm chưa tổ chức giám định chữ ký của giao dịch viên và chữ viết trên phần nội dung trên “Giấy rút tiền” là chưa đầy đủ.

. Trong bản án sơ thẩm đã nhận định: nhân viên của VIB đã không thực hiện đúng, đầy đủ quy trình về chuyển, rút tiền và khách hàng (bà TL) không có mặt tại mốc thời gian thể hiện trên thủ tục rút tiền. Như vậy có dấu hiệu bà TL không phải là người thực hiện thủ tục rút tiền, nhận tiền nên dù bà TL có ký vào “Giấy rút tiền” và “Phiếu chi tiền” thì cũng chưa đủ điều kiện xuất tiền.

. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông HM tham gia tố tụng, xác minh, đối chất là thiếu sót nghiêm trọng đồng thời không triệu tập đầy đủ những người như giao dịch viên Nguyễn Thị BH, Trần Thị NA, Nguyễn HM, Trần TA, TT để xác minh làm rõ việc ai xuất tiền cho giao dịch viên, ai nhận tiền, giao tại đâu, bà TL trả tiền cho ai, bao nhiêu tiền,... là thiếu chính xác, chưa khách quan.

. Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định số tiền 4.000.000.000 đồng bà TL trả tiền mua nhà cho bà TT là số tiền ông TA chuyển khoản cho bà TL lúc 08 giờ 53 phút là không có cơ sở.

. Theo ông TA khai sáng ngày 13/11/2010 sau khi ông chuyển 6.000.000.000 đồng vào tài khoản bà TL và yêu cầu bà TL lên nhận, sau khi nhận bà TL có giao cho ông liên 02 giấy rút tiền (màu vàng) và ký nhận đủ tiền cọc nhà là không có cơ sở chứng minh và đó là lời khai một phía.

. Bà TL có làm việc với Công an Phường H quận TB từ 08 giờ đến 09 giờ sáng nên có cơ sở cho rằng bà TL không có mặt tại ngân hàng VIB vào thời điểm 08 giờ đến 09 giờ sáng ngày 13/11/2010 để thực hiện việc rút tiền, giả sử bà TL có ký không, viết không vào giấy rút tiền mà không nhận tiền thì cũng không phải chịu trách nhiệm.



. Các chữ viết tại phần nội dung thông tin phía trên của 02 liên “Giấy rút tiền” chưa biết đó là chữ viết của ai (có dấu hiệu của ông HM), chứng tỏ có cơ sở cho rằng bà TL đã ký và viết họ tên vào một số văn bản chưa có nội dung, nên việc cấp sơ thẩm nhận định bà TL chịu trách nhiệm về những tài liệu, chứng từ mà mình đã ký là thiếu chính xác.

. Ngày 28/8/2012, phía ngân hàng là bà H có văn bản trả lời bà TL về việc giải quyết đơn tố cáo của bà TL và hứa trả lại tiền, nên không thể nói ngân hàng không có trách nhiệm qua việc này, ngân hàng đã tự thừa nhận trách nhiệm.

Nhận thấy do cấp sơ thẩm còn thiếu sót, vi phạm một loạt các thủ tục tố tụng và chưa được khắc phục nên đề nghị hủy án.

Luật sư phía bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác kháng cáo của phía bị đơn, vì các cơ sở sau:

. Tại các kết luận giám định đều khẳng định chữ ký, chữ viết trong Giấy rút tiền ngày 13/11/2010 đều là của bà TL.

. Sau thời điểm rút tiền đó, bà TL đã thực hiện 24 lần giao dịch với ngân hàng mà không biết tiền mình bị rút là vô lý.

. Bà TL nói bà không đến ngân hàng vào thời gian rút tiền là không đúng.

. Ngân hàng thực hiện đúng quy trình rút tiền và giao tiền mặt.

. Việc rút tiền của bà TL là để giao dịch mua bán 02 bất động sản vào thời điểm đó tại Phòng công chứng số B.

Do đó đề nghị bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: do không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn nên đề nghị bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn – bà Nguyễn Cửu Thị TL nộp đơn kháng cáo, Biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273

của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Đơn kháng cáo của bà TL được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người làm chứng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có lời khai và được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt, do đó đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc hoãn phiên tòa là không có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của phía nguyên đơn cho rằng bà TL không có mặt tại ngân hàng để rút tiền sáng ngày 13/11/2010, ngân hàng đã chi sai đối tượng, vi phạm các quy định thanh toán. Bản án sơ thẩm đã tuyên không đúng bản chất và tình tiết khách quan của vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Với các chứng cứ là Phiếu chi số BTTLR 17223/15 và Giấy rút tiền ngày 13/11/2010 giữa ngân hàng VIB và chủ tài khoản Nguyễn Cửu TL thể hiện có sự giao dịch về việc rút tiền tại ngân hàng VIB.

Phía nguyên đơn cho rằng tại thời điểm rút tiền thì bà TL không thể có mặt tại ngân hàng vì bà đang ở cơ quan Công an Phường H quận TB để làm việc theo giấy mời, về vấn đề này Tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản xác minh tại cơ quan Công an Phường H quận TB và nhận được 05 nội dung trả lời xác minh, cụ thể:

1. Xác nhận ngày 29/3/2010: *“Bà Nguyễn Cửu TL có đến Công an phường làm việc vào lúc 9 giờ ngày 13/11/2010 theo giấy mời của Công an Phường H, quận TB”.*

2. Trả lời Phiếu yêu cầu xác minh ngày 15/4/2014 của Tòa án: *“Ngày 13/11/2010, Công an Phường H, quận TB có mời bà Nguyễn Cửu TL đ/c 79/12 BD, Phường H, TB. Đến Công an phường làm việc với nội dung theo đơn thưa của ông Đặng VT thường trú 134 HXN, phường PT, TP (Thời gian làm việc lúc 9h cùng ngày). Công an phường đã làm hồ sơ ban đầu lập lý lịch, ghi lời khai, tường trình, cam kết.”.*

3. Văn bản số 71/TLXM – CAP ngày 19 tháng 7 năm 2018: *“Trong giấy mời là mời 9h ngày 13/11/2010, nhưng đến khoảng 14h30 cùng ngày bà TL mới đến Công an phường, và Đ/c CN yêu cầu bà TL tường trình lại vụ việc cho ông N và bà N1 mượn tiền cũng như việc đến nơi làm việc và nhà riêng của ông MT để gây rối; do chữ xấu nên bà TL nhờ ông Đào ĐT là bảo vệ dân phố của phường lúc này đang có mặt tại CAP viết dùm ông ĐT đồng ý và bà TL đã đọc tình tiết liên quan cho ông ĐT viết, bản tường trình đề ngày 13/11/2010”.*

4. Trả lời xác minh ngày 08/8/2018: *“Qua thông tin của đồng chí Phạm CN, nguyên Trưởng Công an Phường H, đồng chí Nguyễn TH, nguyên Cảnh sát khu vực Công an Phường H, thì theo giấy mời của Công an Phường H, mời bà Nguyễn Cửu TL có mặt tại Công an phường lúc 9 giờ 00 phút ngày 13/11/2010*

*để bổ sung bản tường trình liên quan đến buổi làm việc ngày 13/9/2010 (bà TL chưa viết). Và đúng giờ bà TL lên Công an phường (9h ngày 13/11/2010) nhưng bà TL nói với đồng chí H là chữ bà xấu, viết không đọc được nên bà TL ra về ngay lúc đó. Đến khoảng 15h ngày 13/11/2010 bà TL đến Công an phường gặp đồng chí CN. Do đó, đồng chí CN đã nhờ ông Đào ĐT là bảo vệ dân phố phường lúc này có mặt tại đây viết hộ cho bà TL. Bà TL đã đồng ý và trình bày lại sự việc cho ông ĐT viết. Theo ông ĐT trình bày do viết đi viết lại nhiều lần nên đến khoảng 22h cùng ngày mới viết xong bản tường trình cho bà TL. Lý do bản tường trình ghi kết thúc lúc 10h là ông ĐT thường hay tính và gọi theo dạng 10h sáng và 10 giờ tối, chứ thực chất lúc ông ĐT viết xong bản tường trình cho bà TL là 22h ngày 13/11/2010.”.*

5. Trả lời xác minh ngày 19/6/2019: “ Theo báo cáo của đồng chí Phạm CN và đồng chí Nguyễn TH, nguyên Trưởng Công an Phường H, và CSKV thì vào lúc 9 giờ ngày 13/11/2010 chị TL có đến Công an Phường theo đúng giấy mời. Và bản tường trình mà anh Đào ĐT viết hộ cho chị TL đề kết thúc lúc 10g ngày 13/11/2010, tuy nhiên trước khi Công an phường trả lời cho Tòa án thì anh ĐT có nói là 10h tức 22h cho nên Công an phường đã trả lời theo trình bày của anh ĐT. Và gần đây anh ĐT có đến Công an phường xin đính chính lại là 10h anh ĐT thể hiện trong bản tường trình viết hộ cho chị TL ngày 13/11/2010 là 10h sáng chứ không phải 10h tối. Riêng đồng chí CN và đồng chí H cho biết thời gian đã lâu nên không nhớ những tình tiết nhỏ, mọi vấn đề đều đã thể hiện tại hồ sơ.”.

Xét thấy nội dung xác nhận và trả lời xác minh của Công an Phường H quận TB có nhiều điểm mâu thuẫn không thống nhất, hơn nữa ông Phạm CN – Trưởng công an lại chính là người môi giới cho bà Nguyễn Thị TT, ông Thái CT bán nhà 12/15 PVH cho bà TL (theo Hợp đồng đặt cọc thì ông CN ký tên với tư cách là người làm chứng), vì thế việc xác nhận của ông CN – Trưởng công an Phường H quận TB không đảm bảo được tính khách quan, ông Đào ĐT (người làm chứng) cho rằng chính ông CN là người nhờ ông viết bản tường trình của bà TL. Trong bản tường trình của bà TL đề ngày 13/11/2010, phần kết thúc ghi 10 giờ, tuy nhiên phần đầu lại không xác định thời gian làm việc nên không có cơ sở để kết luận vào thời điểm 09 giờ bà TL có mặt tại cơ quan công an Phường H quận TB.

Từ phân tích trên cho thấy không có cơ sở kết luận tại thời điểm rút tiền bà TL không có mặt tại ngân hàng VIB chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài vấn đề trên, phía nguyên đơn không có gì để chứng minh lời khai cho rằng ngân hàng VIB chi tiền sai đối tượng và không đúng quy trình, thủ tục ngoài việc suy đoán và không có căn cứ.

Qua các kết luận giám định về chữ ký, chữ viết họ tên đều đã khẳng định chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Cửu TL trong “Giấy rút tiền” và “Phiếu chi” ngày 13/11/2010. Tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn cũng thừa nhận trong Phiếu chi và Giấy rút tiền ngày 13/11/2010 dưới các mục “người nhận” và mục

“chủ tài khoản ký và đóng dấu” trên Giấy rút tiền là của bà TL nhưng lại cho rằng có thể do bà là khách VIP của ngân hàng nên đã ký trước, ký không nên dẫn đến việc ngân hàng chỉ sai đối tượng là không thể chấp nhận.

Trước khi giao dịch của bà TL và ngân hàng VIB diễn ra thì bà TL là người nhận được tiền do ông Trần TA chuyển vào tài khoản. Sau khi bà TL rút số tiền 6.000.000.000 đồng thì diễn ra giao dịch giữa bà TL và bà Nguyễn Thị TT, theo đó bà TL đã giao cho bà TT 4.000.000.000 đồng tiền mua bán nhà số 12/15 PVH Phường H quận TB (vấn đề này được chứng minh bằng lời khai của bà TT và hồ sơ công chứng việc mua bán nhà).

Sau giao dịch trên đây, cùng số tài khoản này (601704060192046) bà TL còn có 24 giao dịch khác nhưng mãi đến tháng 8/2013 bà TL mới khởi kiện ngân hàng VIB và cho rằng tài khoản của bà bị rút tiền là hoàn toàn vô lý.

Lời khai ngày 18/9/2014 của ông Trần TA xác nhận “tôi biết bà TL đã rút tiền, vì khi bà TL ghi “đã nhận đủ tiền” cho tôi thì tôi có hỏi bà TL đã rút tiền chưa, bà TL báo đã rút tiền và đưa cho tôi tờ giấy rút tiền”.

Với tổng thể các vấn đề trên đây có thể kết luận bà Nguyễn Cửu TL đã rút số tiền 6.000.000.000 đồng theo Phiếu chi số BTTLR 17223/15 ghi ngày 13/11/2010 và Giấy rút tiền từ tài khoản số 601/92046 ghi ngày 13/11/2010.

Cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của bà Nguyễn Cửu TL đòi ngân hàng VIB trả số tiền 6.000.000.000 đồng và tiền lãi 3.500.000.000 đồng là có cơ sở, đúng pháp luật, kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

Đối với ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Thứ nhất, trong thủ tục rút tiền tại ngân hàng VIB, trong hồ sơ vụ án, Giấy rút tiền chỉ có 02 liên liên 01 và liên 02 và đều là bản chính. Phía ngân hàng xác nhận đúng là Phiếu chi và Giấy rút tiền của ngân hàng VIB trong thủ tục chi tiền cho khách hàng tại thời điểm diễn ra giao dịch với bà TL. Đại diện của nguyên đơn tại phiên tòa cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên của bà TL trên Phiếu chi và Giấy rút tiền, đồng thời các lần giám định cũng khẳng định chữ ký, chữ viết của bà TL dưới mục người nhận tiền và chủ tài khoản, nên không thể nói là không chứng minh được việc bà TL có rút tiền hay không. Đối với việc bà TL không có mặt ở ngân hàng thời điểm rút tiền như phía Luật sư trình bày là không có cơ sở như phân tích ở trên.

Việc cấp sơ thẩm, phúc thẩm đã tổ chức giám định chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Cửu TL trên Giấy rút tiền và Phiếu chi là đầy đủ để kết luận về việc có nhận tiền hay không và đầy đủ về mặt pháp lý cũng như có đủ cơ sở để đưa ra kết luận. Đối với chữ ký của kiểm soát viên Trần Thị NA cũng đã có kết quả giám định: là không đủ cơ sở để kết luận chữ ký dưới mục “Kiểm soát” trên mẫu cần giám định so với chữ ký của Trần Thị NA có phải do cùng một người ký ra không. Tuy nhiên điều này cũng không cần thiết vì bà NA là người đã có lời khai và thừa nhận các thủ tục mình thực hiện tại ngân hàng.

Phía Luật sư nguyên đơn cho rằng dù bà TL có ký vào Giấy rút tiền và Phiếu chi nhưng không nhận tiền thì cũng không phải chịu trách nhiệm. Vấn đề ở đây là chỗ nguyên đơn không chứng minh được rằng mình không nhận tiền trong khi chứng cứ lại thể hiện đã nhận tiền.

Cấp sơ thẩm đã đưa tất cả những người liên quan vào vụ án như ông TA, bà BH, bà NA, bà TT với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng và đều đã có lời khai, riêng đối với ông Nguyễn HM không có chứng cứ nào cho rằng ông liên quan, đồng thời cũng không có quyền và nghĩa vụ gì nên không thể đưa vào vụ án. Do đó Luật sư nguyên đơn cho rằng đây là thiếu sót, vi phạm thủ tục tố tụng là không có cơ sở.

Vấn đề Luật sư nguyên đơn cho rằng không thể có thủ tục rút 6.000.000.000 đồng trong thời gian 01-02 phút. Tuy nhiên theo bị đơn giải trình thì quy trình rút tiền của ngân hàng phải trải qua 07 bước, cụ thể: từ khi hướng dẫn khách hàng viết giấy rút tiền (bước 01) đến giao dịch viên lưu chứng từ hạch toán rút tiền (bước 07) và thời gian thể hiện trên máy tính, không phải là tổng thời gian từ bước 01 đến hết bước 07 diễn ra trong thực tế tại quầy giao dịch, nó chỉ là những thao tác bắt buộc của quá trình đã diễn ra theo quy định. Lý giải này là phù hợp với quy định và thực tế của quá trình rút tiền.

Đối với chữ viết phần nội dung thông tin phía trên của Giấy rút tiền theo Luật sư nguyên đơn thì không phải của bà TL. Điều này là bình thường, bà TL vẫn có thể nhờ người khác viết các thông tin này, quan trọng là chữ ký, chữ viết ở dưới mục người nhận tiền.

Đối với ý kiến cho rằng phía bà TL có đơn tố cáo và ngân hàng (bà H phía giám đốc) trả lời đang xem xét để trả lại tiền cho bà TL, nên có cơ sở cho rằng phía ngân hàng đã tự nhận trách nhiệm là không đúng vì Đơn của bà TL gửi cho ngân hàng là để tố cáo, giải quyết về việc khác, không phải tố cáo và yêu cầu ngân hàng giải quyết việc 6.000.000.000 đồng này (Công văn số 193/2012/CV-VIB/HCM gửi bà Nguyễn Cửu TL về việc giải quyết đơn tố cáo đề ngày 15/8/2012).

Từ những nhận định trên đây, xét thấy đề nghị của Luật sư về việc hủy án, chuyển sang cơ quan điều tra xem xét giải quyết là không có căn cứ.

Chấp nhận yêu cầu đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về việc bác yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bác kháng cáo của nguyên đơn vì không có cơ sở pháp luật.

Do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: bà TL phải chịu 300.000 đồng nhưng được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo 300.000 đồng đã nộp.

Chi phí tố tụng 5.000.000 đồng bà TL đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn – bà Nguyễn Cửu TL, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 214/2019/DS-ST ngày 01/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Nguyễn Cửu TL về việc buộc Ngân hàng TMCP QTVN phải trả số tiền 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng) mà ngày 13/11/2010 ông Trần TA đã chuyển vào tài khoản thanh toán số 601704060192406 đứng tên bà TL mở tại Ngân hàng TMCP QTVN – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh và tiền lãi do chậm trả khoản tiền này là 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng).

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

2.1. Chi phí tố tụng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) bà TL phải nộp nhưng đã nộp đủ theo Phiếu thu 641 ngày 21/12/2020.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Cửu TL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 117.500.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 07415 ngày 15/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là 57.495.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Cửu TL còn phải nộp thêm là 60.005.000 đồng (Sáu mươi triệu không trăm lẻ năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Cửu TL phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2018/0007879 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Cửu TL đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu/24.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Đình Đức**